

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 142/TTr-SNNMT ngày 05/02/2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lam Sơn, địa chỉ tại: Số 08 đường Nguyễn Hồng, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu dân cư số 2, khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam, thành phố Bắc Giang” tại phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung như sau:

## 1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Khu dân cư số 2, khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam, thành phố Bắc Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400100972 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang,<sup>1</sup> đăng ký lần đầu ngày 02/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 01/4/2025.

- Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện và bổ sung thời gian hoạt động của dự án Khu dân cư số 2, khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam, thành phố Bắc Giang.

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 450/QĐ-UBND của UBND tỉnh, cấp lần đầu ngày 04/7/2019, điều chỉnh lần thứ hai ngày 20/5/2025.

1.4. Mã số thuế: 2400100972.

1.5. Loại hình hoạt động: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, công trình nhà ở khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.6.1. Phạm vi:

- Diện tích: 19,6355 ha tại phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh.

- Nhóm dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (*căn cứ theo số thứ tự 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

1.6.2. Quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô xây dựng: Xây dựng mới hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội (khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe) trong ranh giới dự án theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt và thực hiện đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực xung quanh dự án.

- Công trình nhà ở: Xây thô, hoàn thiện mặt tiền 56 căn nhà tại các lô đất ở có mặt tiền tiếp giáp với tuyến đường trục chính khu đô thị Tây Nam mặt cắt đường rộng 48m, cụ thể: OM-5 (từ lô số 15 đến lô số 23), OM-6 (từ lô số 1 đến

<sup>1</sup> Nay là Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

lô số 9), OM-10 (từ lô số 15 đến lô số 23), OM-11 (từ lô số 15 đến lô số 23), OM-15 (từ lô số 31 đến lô số 50).

- Công trình nhà ở: Xây thô, hoàn thiện mặt tiền 20 căn nhà ở liền kề thuộc phân lô OM-2 (từ lô số 26 đến lô số 45).

- Quy mô dân số: Dự án đáp ứng nhu cầu ở cho khoảng 3.500 người.

- Sản phẩm của dự án: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc, khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe, đất ở, đất công cộng,...

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải vào nguồn nước và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lam Sơn có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lam Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng địa phương để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu dân cư số 2, khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam, thành phố Bắc Giang” hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Đa Mai và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu dân cư số 2, khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam, thành phố Bắc Giang” được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1145/QĐ-SNNMT ngày 16/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Khu dân cư số 2, khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam, thành phố Bắc Giang”.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND phường Đa Mai; Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lam Sơn và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN <sub>Tân</sub>

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Quang Khải**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

---

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải: có 06 nguồn phát sinh**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, khu trường học, nhà văn hoá trong dự án khu dân cư số 2.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư số 1 đối diện Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư tiếp giáp Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư số 3<sup>2</sup>.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư số 4.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư hiện trạng thôn Tân Phương.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải**

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước hiện trạng thuộc thôn Tân Phương, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí.

- Tại vị trí xả nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm xả thải ra rãnh thoát nước hiện trạng thuộc thôn Tân Phương, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh.

- Toạ độ vị trí xả nước thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>): X = 2352678; Y = 414146.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A) đến hết ngày 31/12/2031,

---

<sup>2</sup> được đầu nối tạm thời cho đến khi trạm xử lý nước thải tập trung của khu đô thị phía Tây Nam được hoàn thành đi vào vận hành.

đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung kể từ ngày 01/01/2032, cụ thể như sau:

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm tính đến hết ngày 31/12/2031:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Lưu lượng		-	-	Quan trắc tự động
2.	pH	-	5 – 9	-	
3.	BOD <sub>5</sub> (20 °C)		30	-	
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	-	
5.	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	-	
6.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	03 tháng/lần	-
7.	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1		-
8.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30		-
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		-
10.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		-
11.	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6		-
12.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		-

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm áp dụng từ ngày 01/01/2032:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Lưu lượng		-	-	Quan trắc tự động
2.	pH	-	6 – 9	-	
3.	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	≤ 30	-	
4.	COD	mg/l	≤ 80	-	
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 50	-	
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 4,0	-	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7.	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	$\leq 25$	03 tháng/lần	-
8.	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	$\leq 4,0$		-
9.	Tổng Coliform	MPN/100ml	$\leq 3.000$		-
10.	Sunfua ( $S^{2-}$ )	mg/l	$\leq 0,2$		-
11.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	$\leq 10$		-
12.	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 3,0$		-

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, khu trường học, nhà văn hoá trong dự án khu dân cư số 2 được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó theo đường ống uPVC D110 dẫn vào hệ thống thu gom nước thải cống D300 về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu số 2 công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư số 1 đối diện Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của mỗi hộ dân, sau đó theo đường ống uPVC D110 dẫn vào hệ thống thu gom nước thải ống cống D300, thông qua điểm đầu nối theo quy hoạch dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu số 2 để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư tiếp giáp Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh được thu gom, xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại của các hộ dân, sau đó theo đường ống uPVC D110 dẫn vào hệ thống thu gom nước thải cống D300, thông qua điểm đầu nối theo quy hoạch dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu số 2 để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư số 3<sup>3</sup> được thu gom, xử lý sơ bộ qua mỗi bể tự hoại của mỗi hộ dân, sau đó theo đường ống uPVC D110 dẫn vào đường ống D300 thông qua điểm đầu nối theo thoả thuận dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu số 2 để xử lý.

<sup>3</sup> được đầu nối tạm thời cho đến khi trạm xử lý nước thải tập trung của khu đô thị phía Tây Nam được hoàn thành đi vào vận hành.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư số 4 được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của mỗi hộ dân, sau đó theo đường ống uPVC D110 dẫn vào hệ thống thu gom nước thải ống cống D300, thông qua điểm đầu nối theo quy hoạch dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu số 2 để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư hiện trạng thôn Tân Phương được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của mỗi hộ dân, sau đó nước thải được thu về bằng giếng tách để dẫn nước thải về đường ống thu nước thải khu số 4 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu số 2 để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: Nước thải sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (của các hộ dân) → Bể gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javel khử trùng, Dinh dưỡng, Polymer, Sỏi, cát thạch anh, than hoạt tính lọc áp lực,....

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Vị trí lắp đặt: Sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có

- Camera theo dõi: Có

- Kết nối, truyền số liệu: Thực hiện kết nối truyền số liệu trực tiếp về Sở nông nghiệp và môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

### 1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Bố trí cán bộ vận hành hệ thống nước thải sản xuất có chuyên môn cao, nắm được cơ chế hoạt động của hệ thống cũng như nắm được các phương án khắc phục sự cố do hoá chất gây ra.

#### 1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra môi trường; Trường hợp không thể khắc phục ngay, đơn vị quản lý vận hành dự án cần có kế hoạch tích nước thải tại chỗ, hoặc có phương án nhằm hạn chế phát sinh nước thải tạm thời, thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, đảm bảo bảo xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số để đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 6/2026 đến tháng 8/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, Tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Amoni (tính theo N), COD, BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C), Sunfua, Dầu mỡ động thực

vật, Chất hoạt động bề mặt, Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ) (tính theo N), Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P), Tổng Coliform.

- Tiêu chuẩn giám sát: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Quan trắc 01 mẫu đơn nước thải trước xử lý và 03 mẫu đơn nước thải sau xử lý (01 lần/ngày) trong vòng 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải của dự án; hoàn thành kết nối và duy trì vận hành ổn định, thường xuyên hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục.

3.4. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định./.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

01 nguồn phát sinh khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước sinh hoạt tập trung công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:** 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau xử lý của thiết bị xử lý khí thải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

2.1. Vị trí xả khí thải: Có 01 vị trí

- Tại ống thoát khí thải sau xử lý của thiết bị xử lý khí thải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X = 2352740; Y = 414093.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.500 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac (NH <sub>3</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 25	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunphua (H <sub>2</sub> S)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 7		
3	Metyl mercaptan (CH <sub>3</sub> SH)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 12		

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung

được thu gom về tháp xử lý mùi thông qua hệ thống đường ống SUS304 DN 150 dài 63m và quạt hút mùi có lưu lượng hút 4500m<sup>3</sup>/giờ. Khí thải sau xử lý được thoát ra môi trường bằng đường ống SUS 304 DN150 cao 9m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → Quạt hút → Tháp xử lý khí thải (mùi) sử dụng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Xả ra ngoài môi trường.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành thường xuyên hệ thống và kịp thời tìm nguyên nhân để khắc phục khi hệ thống gặp sự cố.

- Định kỳ bảo dưỡng lại hệ thống đường ống, máy móc phục vụ trong hệ thống xử lý khí thải của dự án.

- Định kỳ thay thế các trang thiết bị hư hỏng hoặc không đảm bảo điều kiện kỹ thuật.

- Tổ chức đào tạo vận hành và thiết lập các quy tắc, quy định đối với cán bộ vận hành, đặc biệt tập huấn về phòng ngừa ứng phó sự cố.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 06/2026 đến tháng 8/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí sau thiết bị xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số giám sát: Amoniac (NH<sub>3</sub>), Hydro sunphua (H<sub>2</sub>S), Metyl mercaptan (CH<sub>3</sub>SH).

- Tiêu chuẩn giám sát: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Quan trắc mẫu đơn 01 lần/ngày sau xử lý, trong vòng 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (tần suất 01 lần/ngày).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải; lập nhật ký vận hành công trình xử lý.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Phát sinh từ khu vực hoạt động của máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải.

#### 2. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

##### 2.1. Tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ ngày 01/01/2027:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	50	45	Không thuộc đối tượng	Khu vực B

## 2.2. Độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với độ rung đến hết ngày 31/12/2026:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực thông</i>

- Giá trị giới hạn đối với độ rung từ ngày 01/01/2027:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	65	60	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực B</i>

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

- Các máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân vận hành, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,...

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	80
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có chứa các chi tiết có thành phần nguy hại	Rắn	16 01 13	70
<b>Tổng</b>				<b>150</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải được kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	250
2	Bao bì nhựa cứng thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	150
3	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	18 02 01	532,8
<b>Tổng</b>				<b>932,8</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

STT	Loại CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Cát, sỏi từ bồn lọc áp lực	Rắn	3.500
2	Than hoạt tính từ bồn lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải	Rắn	500
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	Bùn	4.672,8
<b>Tổng</b>			<b>8.672,8</b>

#### 1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt của 3.500 người dân sống trong khu dân cư phát sinh khoảng 1.750 kg/ngày tương ứng với 52.500 kg/tháng. Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, gốc, rễ rau, vỏ hoa quả.....

### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải công nghiệp phải được kiểm soát.

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải được kiểm soát phát sinh từ các hộ dân trong khu dân cư, khối lượng không nhiều và không liên tục. Các hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao cho các đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với than hoạt tính phát sinh từ thiết bị xử lý khí thải dự án được đơn vị quản lý, vận hành dự án chịu trách nhiệm lưu giữ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### 2.1.2. Khu lưu chứa/kho lưu chứa: Không bố trí.

#### 2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

##### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí

##### 2.2.2. Khu lưu chứa: Không bố trí.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung được lưu chứa tại bể chứa bùn của hệ thống. Định kỳ đơn vị quản lý, vận hành dự án ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất khoảng 03 tháng/lần.

- Cát, sỏi, than hoạt tính thải bỏ phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được đơn vị quản lý vận hành dự án chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

#### 2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí khoảng 55 thùng chứa rác dung tích 120 lít/thùng để ở vỉa hè để các hộ dân sinh sống chủ động thu gom, phân loại (khoảng 45-50m/thùng).

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Chủ dự án bố trí ga rác có diện tích  $10m \times 15m = 150m^2$ , được bố trí cạnh trạm xử lý nước thải của dự án. Trạm trung chuyển được xây tường bao xung quanh, có mái che, nền bê tông.

- Đơn vị được giao quản lý thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt với tần suất 1 lần/ngày hoặc tùy vào tình hình thực tế phát sinh.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định./.

## **Phụ lục 5**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** (Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:** Không.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của dự án.

3. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

4. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

5. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Đa Mai trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

7. Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.